

Bản án số: 128/2025/DSST

Ngày: 16/6/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN E - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thái H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn V

2. Bà Trần Nguyệt M

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh T – Thư ký Tòa án Quận E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng P – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân Quận E tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 11/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 04 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm 1973; chức danh: Tổng giám đốc; Địa chỉ thường trú: Số G N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1996, chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV Q và Khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Địa chỉ: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 9097/2024/UQ-TGD ngày 06/12/2024). (vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt)

Bị đơn: Bà Trần Tuyết M, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số C V, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2024, Bản tự khai ngày 18 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S1) có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Huy H trình bày:

Ngân hàng S1 và bà Trần Tuyết M thỏa thuận ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S1 (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ngày 28/11/2022, hạn mức tín dụng là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/ tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 102.509.000 (một trăm lẻ hai triệu, năm trăm lẻ chín nghìn) đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 2.737.000 (hai triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn) đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 11/05/2023, Ngân hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 16/06/2025, bà M còn nợ Ngân hàng S1 tổng số tiền là 245.280.247 (hai trăm bốn mươi năm triệu hai trăm tám mươi nghìn hai trăm bốn mươi bảy) đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc là 118.855.927 (một trăm mười tám triệu, tám trăm năm mươi năm nghìn, chín trăm hai mươi bảy) đồng, nợ lãi là 126.424.320 (một trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, ba trăm hai mươi) đồng. Do đó, Ngân hàng S1 khởi kiện yêu cầu bà M phải thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/6/2025 là 245.280.247 đồng (hai trăm bốn mươi năm triệu hai trăm tám mươi nghìn hai trăm bốn mươi bảy) đồng. Ngoài ra, bà M còn phải trả khoản lãi phát sinh từ ngày 17/06/2025 cho Ngân hàng cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Trần Tuyết M, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận E đã triệu tập đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng không có mặt. Ngoài ra, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có bản tự khai và Tóm tắt sao kê đề ngày 16/6/2025 xác định số nợ hiện nay bà M phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng S1 tính đến ngày 16/6/2025 là 245.280.247 (hai trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi nghìn, hai trăm bốn mươi bảy) đồng trong đó bao gồm nợ gốc là 118.855.927 (một trăm mười tám triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi bảy) đồng, nợ lãi là 126.424.320 (một trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, ba trăm hai mươi) đồng (tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc với lãi suất quá hạn là 2.77%/tháng). Ngoài ra,

bà Trần Tuyết M còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 17/06/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận E phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Tuyết M thanh toán làm một lần cho nguyên đơn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/6/2025 là 245.280.247 (hai trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi nghìn, hai trăm bốn mươi bảy) đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc là 118.855.927 (một trăm mười tám triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi bảy) đồng, nợ lãi là 126.424.320 (một trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, ba trăm hai mươi) đồng. Ngoài ra, bà M còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 17/06/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Án phí bà M chịu theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S1 (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ngày 03/07/2020, đây là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3, Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú hiện tại của bị đơn bà Trần Tuyết M là số C V, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo địa chỉ được bị đơn ghi trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 26/07/2022, phê duyệt ngày 26/07/2022 thể hiện bị đơn cư trú tại địa chỉ số C V, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy, có căn cứ xác định địa chỉ thường trú và địa chỉ ghi trên hợp đồng của bị đơn tại số C V, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận E theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào mục 10 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì việc thay đổi thông tin chủ thẻ phải thông báo ngay cho đơn vị phát hành thẻ.

Vì vậy, trong Đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Nay bị đơn vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

[1.3] Nguyên đơn có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn bà Trần Tuyết M là trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ, đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

[2.1] Xét bà Trần Tuyết M đã ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 28/11/2022, phê duyệt ngày 7/12/2022, loại thẻ tín dụng Visa Classic, số thẻ: 472074-5279 với Ngân hàng S1 để vay khoản tiền với hạn mức cấp tín dụng là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

[2.2] Theo bảng tóm tắt sao kê do Ngân hàng S1 nộp cho Tòa án ngày 16/6/2025 có thể xác định bà M đã bắt đầu sử dụng từ ngày 10/01/2023. Số tiền bà M đã giao dịch là 102.509.000 (một trăm lẻ hai triệu, năm trăm lẻ chín nghìn) đồng, số tiền lãi trong hạn là 14.190.109 đồng, các khoản phí là 4.893.818 đồng, gồm: phí trễ hạn 3.710.041 đồng, phí vượt hạn mức là 884.777 đồng và phí thường niên 299.000 đồng. Số tiền bà M đã thanh toán là 2.737.200 đồng. Khoản tiền trên được thanh toán cho các khoản phí/lãi kỳ trước và trong kỳ, các giao dịch rút tiền mặt kỳ trước và trong kỳ, các giao dịch mua hàng hóa kỳ trước và trong kỳ theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Số tiền nợ gốc còn lại được tính theo cách = Số tiền giao dịch - số tiền thanh toán thực tế (số tiền thanh toán thực tế = số tiền bà M thanh toán trừ đi các khoản phí và lãi trong hạn).

Số tiền thanh toán thực tế của bà M được tính như sau:

2.737.000 đồng – 4.893.818 đồng – 14.190.109 đồng = – 16.346.927 đồng.

Số thanh toán Các loại phí Lãi trong hạn
=> Số tiền nợ gốc: 102.509.000 đồng – (– 16.346.927 đồng) = 118.855.927 đồng.

Tiền giao dịch Tiền thanh toán thực tế

[2.3] Căn cứ vào Phụ lục biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng S1: lãi suất linh động cho thẻ tín dụng cá nhân do Ngân hàng S1 cung cấp, đối chiếu với thời điểm vay thể hiện mức lãi suất 2.77%/tháng áp dụng cho hợp đồng thẻ tín dụng số 472074-5279 đối với bà M là đúng. Theo Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S1 cho thấy việc áp dụng các mức

lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng S1 không cần thông báo trước cho chủ thẻ.

[2.4] Căn cứ bản Tóm tắt sao kê ngày 16/6/2025 của Ngân hàng S1 cung cấp cho thấy ngày 11/05/2023 Ngân hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với dư nợ tại thời điểm này là 118.855.927 (một trăm mười tám triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi bảy) đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại (lãi suất được áp dụng tại thời điểm hiện tại là 2.77%/tháng). Như vậy, lãi quá hạn của bà M được Ngân hàng S1 tính như sau:

Tại thời điểm chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn ngày 11/05/2023, số tiền nợ gốc của bà M được xác định là 118.855.927 (một trăm mười tám triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi bảy) đồng nên cách tính lãi được xác định như sau:

Từ ngày 11/05/2023 đến ngày 16/6/2025 là 768 ngày: Tiền lãi = 118.855.927 đồng x 2.77 % x 150% : 30 ngày x 768 ngày = 126.424.320 đồng.

Như vậy, tiền lãi quá hạn = 126.424.320 đồng.

[2.5] Bà Trần Tuyết M không có mặt tại Tòa án để cho lời khai và nêu ý kiến về các khoản tiền gốc, tiền lãi đã thanh toán và các khoản phí mà Ngân hàng S1 yêu cầu. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S1 với số nợ gốc, nợ lãi quá hạn mà Ngân hàng S1 yêu cầu bà M phải trả.

[2.6] Căn cứ theo các điều khoản trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S1 thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tính đến ngày 16 tháng 06 năm 2025 tổng cộng số tiền là 245.280.247 (hai trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi nghìn, hai trăm bốn mươi bảy) đồng, trong đó nợ gốc là 118.855.927 đồng, tổng nợ lãi quá hạn là 126.424.320 đồng, là phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm bị đơn vẫn phải trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S1 cho đến khi trả hết nợ.

[2.7] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả ngay số tiền còn nợ khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là 12.264.012 (mười hai triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn, không trăm mười hai)

đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/Al được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao.

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S do ông Nguyễn Huy H là người đại diện theo ủy quyền và vắng mặt bị đơn là bà Trần Tuyết M.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

2.1. Buộc bà Trần Tuyết M phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền nợ tính đến ngày 16 tháng 06 năm 2025 là 245.280.247 (hai trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi nghìn, hai trăm bốn mươi bảy) đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc là 118.855.927 (một trăm mười tám triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi bảy) đồng, nợ lãi là 126.424.320 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, ba trăm hai mươi) đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định

của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 245.280.247 (hai trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi nghìn, hai trăm bốn mươi bảy) đồng là 12.264.012 (mười hai triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn, không trăm mười hai) đồng.

3.1. Bà Trần Tuyết M phải chịu 12.264.012 (mười hai triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn, không trăm mười hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.2. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.916.572 (ba triệu, chín trăm mười sáu nghìn, năm trăm bảy mươi hai) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009575 ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân Quận E;
- Chi Cục THADS Quận E;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thái H